TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HS-ST
Ngày 18-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thắng;

- Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tùng và bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2025/TLST- HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Vũ Đức M, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1964 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: Tổ dân phố Đ, phường P, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức V, đã chết và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1935; có vợ là Trương Bảo P và một con sinh năm 1990; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 46 ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 06/02/2024 nên chưa được xóa án tích.

Nhân thân (có ba tiền án đều đã được xoá án tích): Bản án số 47 ngày 10/10/1984 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 145 ngày 13/6/1991 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản xã hội chủ nghĩa; Bản án số 406 ngày 14/9/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân và 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản của công dân, tổng hợp hình sự là 15 năm tù.

Bị tạm giữ từ ngày 09/5/2025 đến ngày 16/5/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị T1, đều đã chết; bị cáo sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị M1 và có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân (có 02 tiền án đều đã được xoá án tích): Bản án số 27 ngày 29/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; Bản án số 16 ngày 29/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt 21 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Bị tạm giữ từ ngày 09/5/2025 đến ngày 16/5/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Lường Văn T2, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1995 tại Sơn La; nơi ĐKTT: Bản N, xã T, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn L, sinh năm 1975 và bà Lò Thị D, sinh năm 1975; có vợ là Lường Thị T3 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 09/5/2025 đến ngày 16/5/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Trịnh Quốc D1, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn D2, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; có vợ là Đỗ Thanh V1 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 09/5/2025 đến ngày 16/5/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ và hành vi Tổ chức trái phép chất ma túy của Vũ Đức M, Lường Văn T2, Nguyễn Xuân Đ:

Khoảng 05 giờ ngày 25/4/2025, bà Nguyễn Thị Q đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát (BKS) 16M9-4947 (trên yên xe có buộc 01 giá chở hàng bằng kim loại) đến quán bán hoa của bà tại thôn E, xã N, thành phố Hải Phòng dựng xe tại đường liên xã và vào chợ bán hàng. Đến khoảng hơn 06 giờ cùng ngày, Bùi Hữu L1 cùng Vũ Đức M đi đến nhà bạn chơi. Khi đến chợ C2 thuộc thôn E, xã N, M đi vào nhà bạn còn L1 đứng đợi ở ngoài đường và nhìn thấy xe mô tô của bà Q dựng ở rìa đường. Quan sát thấy xe không khóa cổ, không có người trông coi nên L1 đi đến dắt xe mô tô của bà Q mang đến nhà M cất giấu. Khi M về nhà, L1 kể với M về việc vừa trộm cắp được xe mô tô trên và cùng M bán xe mô tô với giá 800.000 đồng, giá chở hàng bằng kim loại với giá 300.000 đồng cho một người phụ nữ thu mua phế liệu (không rõ nhân thân, lai lịch). Loa chia cho M 800.000

đồng và giữ lại 300.000 đồng. Ngày 28/4/2025, anh Bùi Huy H là hàng xóm của M mua chiếc xe trên của người phụ nữ thu mua sắt vụn với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, do không có nhu cầu sử dụng nên khoảng đầu tháng 5/2025, anh H nhờ M bán hộ chiếc xe trên. Ngày 06/5/2025, M bán xe mô tô trên cho Nguyễn Xuân Đ với giá 2.000.000 đồng. Hồi 15 giờ ngày 07/5/2025, L1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô BKS 16M9-4947 trị giá 5.500.000 đồng, giá chở hàng bằng kim loại trị giá 760.000 đồng; tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.260.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với M về việc Đ biết rõ nguồn gốc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, BKS 16M9-4947 của bà Q là do trộm cắp mà có nhưng do tham rẻ nên mua.

Tại Cơ quan điều tra, M khai nhận hành vi giúp L1 bán xe mô tô trộm cắp của bà Q như nêu trên, ngoài ra M còn khai hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà M vào ngày 06/5/2025, cụ thể: Khoảng đầu tháng 5/2025, Lường Văn T2 đến nhà M chơi và ở lại. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/5/2025, Đ đến nhà M chơi. Đoán rủ M và T2 cùng sử dụng ma túy rồi đưa cho T2 200.000 đồng để T2 đi mua ma túy cho cả nhóm sử dụng. T2 đi đến nhà Trịnh Quốc D1 mua 200.000 đồng ma túy đá mang về nhà M. Trên đường đi, T2 gặp bạn là L2 (không rõ nhân thân, lai lịch) và rủ L2 về nhà M chơi. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T2 về đến nhà M, T2 vào phòng ngủ của M lấy 01 hộp bìa cát tông bên trong có 01 bộ coóng sử dụng ma túy đá mang ra phòng khách để ở bàn uống nước. Đoán dùng kéo cắt 01 đầu đoạn ống hút chứa ma túy đá rồi đổ ma túy vào coóng, dùng bật lửa khò châm lửa tự hút rồi lần lượt đưa cho M và T2 cùng sử dụng, mỗi người hút khoảng 03 hơi thì hết ma túy. Quá trình Đ, M, T2 sử dụng ma túy, L2 chỉ ngồi nhìn không sử dụng. Sau khi sử dụng ma tuý, M nhờ T2, Đ và L2 đi bán hộ xe mô tô BKS 16M9-4947 đang để ở sân nhà M. Cả nhóm mang xe đến huyện T tìm người mua nhưng không bán được nên mang xe về nhà M. Lúc này, Đ đặt vấn đề mua lại chiếc xe này thì M đồng ý bán với giá 2.000.000 đồng. Đ đồng ý mua và nói sẽ trả tiền sau, M đồng ý và giao xe cho Đ. Sau khi mua xe, Đ mang về nhà cất giữ.

Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của M tại thôn L, xã A, Cơ quan điều tra thu giữ nhiều mẫu vật theo Kết luận giám định số 300/KL-KTHS ngày 14/5/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H là ma túy, cụ thể: Tại ngăn phía trên bên trái tủ quần áo của Vũ Đức M tìm thấy: 01 hộp bìa cát tông bên trong có 01 bộ sử dụng ma túy, có bám dính ma túy, loại Methamphetamine, không đủ cơ sở xác định hàm lượng, khối lượng; tại nền nhà giữa khe ghế và tủ kệ gỗ có 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, bám dính ma túy, loại Methamphetamine, không đủ cơ sở xác định hàm lượng, khối lượng chất ma túy và 01 bật lửa màu xanh. Nguyễn Xuân Đ tự nguyện giao nộp 01 kéo bằng kim loại dùng để cắt ống hút chứa ma túy đá.

Kết quả xét nghiệm thử phản ứng với các chất ma túy xác định M, T2 và Đ đều dương tính với ma túy Methamphetamine.

2. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy

của Trịnh Quốc D1:

Căn cứ lời khai của T2, Cơ quan điều tra xác định nhân thân, nơi ở của Dự, tiến hành kiểm tra, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và khám xét khẩn cấp nơi ở của D1, thu giữ vật chứng là ma túy và đồ vật liên quan. Theo Kết luận giám định số 304/KL-KTHS ngày 15/5/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H, gồm: T4 tại túi quần bên phải phía sau của D1 đang mặc 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 5,19 gam; trong phòng ngủ của Dự: 01 túi nilon bên trong có 01 ống nhựa chứa tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,14 gam; 01 ống kim loại dài 7,5cm, 01 đoạn ống hút nhựa dài 4,5cm và chất lỏng không màu đựng trong chai nhựa có thể tích 10ml, có ma túy loại Methamphetamine, không đủ cơ sở xác định hàm lượng, khối lượng chất ma túy. Ngoài ra còn thu giữ: 01 điện thoại Iphone màu xanh của Trịnh Quốc D1, 02 bật lửa màu đỏ, số tiền 200.000 đồng; 04 ống hút nhựa màu trắng kích thước (0,6x19)cm; 01 ống hút nhựa màu trắng kích thước (0,6x12,5)cm, 01 ống hút nhựa màu trắng kích thước (0,6x3)cm.

Về nguồn gốc ma túy bị thu giữ, kết quả điều tra xác định: Dự sử dụng ma túy đá từ năm 2018. Cuối tháng 4/2025, Đỗ Thị T5 đến nhà D1 xin ở nhờ. Khoảng 14 giờ ngày 04/5/2025, D1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision (không nhớ BKS) của T5 đi vào một nhà dân trong ngõ ở chân cầu N (không nhớ địa chỉ cụ thể) mua 2.300.000 đồng ma túy đá để bán và sử dụng của người ở trong nhà, D1 không gặp và giao dịch trực tiếp với người bán mà đưa tiền và nhận ma túy qua lỗ hổng của nhà dân đó. Sau khi nhận 01 túi nilon chứa ma túy đá, D1 cất giấu trong túi quần với mục đích để sử dụng dần. Tối ngày 06/5/2025, T2 đến nhà D1 hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá về để sử dụng, D1 đồng ý đi vào phòng ngủ lấy gói ma túy đã mua trước đó xúc vào 01 đoạn ống hút dài khoảng 2cm rồi dùng bật lửa hơ nóng hai đầu ống hút để dính lại rồi mang ra ngoài đưa cho T2. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/5/2025, Cơ quan điều tra kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng: Số ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của D1, 01 bật lửa màu xanh, 02 bật lửa màu đỏ, 01 kéo bằng kim loại, 06 đoạn ống hút màu trắng chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng.

Bản cáo trạng số 114/CT-VKSHP-P1 ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo: Vũ Đức M và Nguyễn Xuân Đ về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo quy tịnh tại điểm b khoản 2 Điều 255 và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323; Lường Văn T2 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; Trịnh Quốc D1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 và tội Mua bán trái phép chất ma tuý theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ, Lường Văn T2 và Trịnh Quốc D1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố đúng như hành vi đã thực hiện; tài sản do phạm tội mà có và loại ma túy đúng

như Kết luận định giá tài sản và Kết luận giám định; vật chứng của vụ án bị thu giữ đúng như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo D1 đề nghị được nhân lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 111 màu xanh vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, khẳng định: Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo M); khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Vũ Đức M mức án từ 09 năm tù đến 09 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 10 năm tù 06 tháng tù đến 11 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

Bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 năm 09 tháng tù đến 10 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lường Văn T2 từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trịnh Quốc D1 từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý; từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 08 năm tù đến đến 09 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trịnh Quốc D1 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ và Lường Văn T2.

- Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

T6 lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh đã qua sử dụng cho bị cáo Trịnh Quốc D1.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Trịnh Quốc D1. Buộc bị cáo Vũ Đức M phải nộp lại 800.000 đồng do phạm tội mà có để thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 2.000.000 đồng: Đây là số tiền bị cáo M bán xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 16M9-4947 cho bị cáo Đ nhưng 02 bên chưa giao nhận tiền nên không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này.

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy niêm phong số 304MT/PC09 chứa mẫu vật còn lại sau giám định (bên trong có 4,84 gam tinh thể ma tuý, 007 gam tinh thể ma tuý); 01 hộp giấy niêm phong số 304MT-A/PC09 (bên trong có 01 ống kim loại, 01 ống hút nhựa và 01 chai nhựa); 01 hộp giấy niêm phong số 300MT/PC09 (bên trong có 01 bộ dụng cụ và chất lỏng, 01 đoạn ống hút nhựa); 04 ống hút nhựa màu trắng kích thước 0,6x19cm; 01 ống hút nhựa màu trắng một đầu bóp dẹp kích thước 0,6x12,5cm đã qua sử dụng; 01 ống hút nhựa màu trắng một đầu hàn dẹp kích thước 0,6x3cm đã qua sử dụng; 01 kéo kim loại đã qua sử dụng; 02 bật lửa màu xanh đã qua sử dụng; 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng.

- Miễn án phí cho bị cáo M do là người cao tuổi; các bị cáo Đ, T2 và D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và hình phạt:

[3] Lời khai của các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ, Lường Văn T2 và Trịnh Quốc D1 tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; đồng thời phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/4/2025, tại thôn E, xã N, thành phố Hải Phòng, sau khi Bùi Hữu L1 lợi dụng sơ hở, chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 16M9-4947 trị giá 5.500.000 đồng và 01 giá chở hàng bằng kim loại trị giá 760.000 đồng của bà

Nguyễn Thị Q; L1 mang xe mô tô trên đến nhà Vũ Đức M cất giữ, nói vừa trộm cắp được và cùng nhau bán tài sản này cho người phụ nữ thu mua phế liệu, M được L1 chia cho 800.000 đồng. Sau đó anh Bùi Huy H là hòm xóm của M mua lại chiếc xe mô tô trên của người phụ nữ thu mua phế liệu; đầu tháng 5/2025, anh H nhờ M bán hộ chiếc xe mô tô này; M đã bán xe mô tô cho Nguyễn Xuân Đ với giá 2.000.000 đồng; Đ biết xe mô tô trên là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với mục đích để sử dụng.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/5/2025, tại nơi ở của Vũ Đức M ở thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Xuân Đ đưa 200.000 đồng cho Lường Văn T2 đi mua ma túy, T2 đến nhà Trịnh Quốc D1 mua 200.000 đồng ma túy Methamphetamine mang về nhà M, đổ ma túy vào coóng rồi châm lửa tự sử dụng và châm lửa cho M, T2 cùng sử dụng.

Ngày 04/5/2025, tại thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng Trịnh Quốc D1 có hành vi cất giấu trái phép 5,19 gam ma túy Methamphetamine để sử dụng cho bản thân và bán cho Lường Văn T2 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của: Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ, Lường Văn T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Vũ Đức M và Nguyễn Xuân Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Trịnh Quốc D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý và Mua bán trái phép chất ma tuý. Tội danh và hình phạt được quy định tại các điều 249, 251, 255 và 323 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma tuý, xâm phạm trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo M, Đ và T2 đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 06/5/2025 là tình tiết định khung hình phạt "Đối với hai người trở lên" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo M và Đ biết xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 16M9-4947 trị giá 5.500.000 đồng và 01 giá chở hàng bằng kim loại trị giá 760.000 đồng là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, bán cho nhau là "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Ngày 04/5/2025, bị cáo D1 cất giấu trái phép 5,19 gam ma túy Methamphetamine là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và bán 200.000 đồng ma túy Methamphetamine cho bị cáo T2 là "Mua bán trái phép chất ma tuý" được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ và Lường Văn T2 cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn vì không có sự câu

kết chặt chẽ (như chỉ huy, phân công, chỉ đạo, điều hành) giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Bị cáo Đ là người rủ các bị cáo T2, M sử dụng ma tuý và đưa 200.000 đồng cho T2 đi mua ma tuý mang về nhà M; bị cáo M chuẩn bị địa điểm là nhà của mình và bộ D3 sử dụng ma túy để cùng với Đ và T2 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên vai trò của 3 bị cáo là ngang nhau. Các bị cáo M, Đ đều biết tài sản là do trộm cắp mà có nhưng M vẫn tiêu thụ, vẫn bán và Đ vẫn đồng ý mua nên vai trò của hai bị cáo là ngang nhau đối với hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[7] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo M có ba tiền án và bị cáo Đ có hai tiền án đều đã được xoá án tích nhưng thể hiện các bị cáo này có nhân thân rất xấu, không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Các bị cáo T2 và D1 không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo M có một tiền án chưa được xoá án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung; đồng thời xử phạt các bị cáo theo mức án mà Kiểm sát viên tại phiên toà đã đề nghị đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 323, khoản 5 Điều 249, khoản 6 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo Đ, M và T2 đều nghiện chất ma tuý, không có nghề nghiệp và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này. Phạt tiền bị cáo D1 5.000.000 đồng là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trịnh Quốc D1: Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Trịnh Quốc D1 là tiền dùng để mua bán trái phép chất ma tuý nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với 800.000 đồng bị cáo Vũ Đức M thu lợi từ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để thu nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 2.000.000 đồng: Đây là số tiền bị cáo M bán xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 16M9-4947 cho bị cáo Đ nhưng 02 bên chưa giao nhận tiền nên không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này là phù hợp.

Đối với 01 hộp giấy niêm phong số 304MT/PC09 chứa mẫu vật còn lại sau giám định (bên trong có 4,84 gam tinh thể ma tuý, 007 gam tinh thể ma tuý); 01 hộp giấy niêm phong số 304MT-A/PC09 (bên trong có 01 ống kim loại, 01 ống hút nhựa và 01 chai nhựa); 01 hộp giấy niêm phong số 300MT/PC09 (bên trong có 01 bộ dụng cụ và chất lỏng, 01 đoạn ống hút nhựa); 04 ống hút nhựa màu trắng kích thước 0,6x19cm; 01 ống hút nhựa màu trắng một đầu bóp dẹp kích thước 0,6x12,5cm đã qua sử dụng; 01 ống hút nhựa màu trắng một đầu hàn dẹp kích thước 0,6x3cm đã qua sử dụng; 01 kéo kim loại đã qua sử dụng; 02 bật lửa màu xanh đã qua sử dụng; 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng: Đây là công cụ phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về vấn đề khác: Đối với hành vi Bùi Hữu L1 trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Q đã được Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng giải quyết, xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 nên không xem xét, xử lý trong vụ án này. Đối với người bán ma túy cho Trịnh Quốc D1, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa điểm nên tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

Tại thời điểm Cơ quan điều tra bắt quả tang Trịnh Quốc D1 có mặt Hoàng Văn G, Lê Quang H1 và Đỗ Thị T5: Mặc dù cả 03 người này đều dương tính với ma túy Methamphetamine và khai trước đó đã sử dụng ma túy tại nơi ở của D1. Trong đó: T5 tự ý sử dụng ma túy trong phòng ngủ của Dự khi D1 đi ra ngoài; còn G và H1 khi sang nhà D1 chơi, thấy D1 có ma túy trong coóng nên xin D1 cho sử dụng ma túy. Dự không thừa nhận biết và đồng ý cho G, H1, T5 sử dụng ma túy tại nơi ở của D1. Do T5, H1, G sử dụng ma túy tại các thời điểm khác nhau, ngoài lời khai của T5, H1, G không có chứng cứ chứng minh D1 cung cấp ma túy để T5, H1, G sử dụng tại nhà mình nên không có căn cứ xử lý đối với D1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 255 của Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát Hình sự Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính đối với H1, G và T5 về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định pháp luật.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đ, T2 và D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo M là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo M); khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Vũ Đức M 09 (Chín) năm 06 (S) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (Mười một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

Bị cáo Nguyễn Xuân Đ 09 (C1) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; 18 (Mười tám) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lường Văn T2 08 (T7) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trịnh Quốc D1 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý; 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (T7) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/5/2025.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trịnh Quốc D1 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ và Lường Văn T2.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

T6 lại: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh đã qua sử dụng cho bị cáo Trịnh Quốc D1.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) đồng thu giữ của bị cáo Trịnh Quốc D1.

Buộc bị cáo Vũ Đức M phải nộp số tiền thu nộp ngân sách Nhà nước: 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) hộp giấy niêm phong số 304MT/PC09 chứa mẫu vật còn lại sau giám định (bên trong có 4,84 gam tinh thể ma tuý, 007 gam tinh thể ma tuý); 01 (Một) hộp giấy niêm phong số 304MT-A/PC09 (bên trong có 01 ống kim loại, 01 ống hút nhựa và 01 chai nhựa); 01 (Một) hộp giấy niêm phong số 300MT/PC09 (bên trong có 01 bộ dụng cụ và chất lỏng, 01 đoạn ống hút nhựa); 04 (Bốn) ống hút nhựa màu trắng kích thước 0,6x19cm; 01 (Một) ống hút nhựa màu trắng một đầu bóp dẹp kích thước 0,6x12,5cm đã qua sử dụng; 01 (Một) ống hút

nhựa màu trắng một đầu hàn dẹp kích thước 0,6x3cm đã qua sử dụng; 01 (Một) kéo kim loại đã qua sử dụng; 02 (Hai) bật lửa màu xanh đã qua sử dụng; 01 (Một) bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0000803 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc Nguyễn Xuân Đ, Lường Văn T2 và Trịnh Quốc D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Đức M.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Xuân Đ, Lường Văn T2 và Trịnh Quốc D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1-CATP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Cơ quan THAHS-CATP Hải Phòng (PC10);
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

Tại phiên toà Kiểm sát viên trình bày ý kiến bổ sung cáo trạng: Tại Quyết định tách vụ án số 14570/QĐ-CSHS (Đ3) ngày 06/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tách hành vi Bùi Hữu L1 trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Q nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

Hoàng Văn Đ1 **Đoàn Văn N**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thế Sự **Đỗ Thị Viện** **Nguyễn Thanh Tùng**

cho bị cáo được hưởng án thấp nhấp, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có tình cảm nam nữ, việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai bên. Tuy nhiên, bị hại là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục tự nguyện này là

trái pháp luật và bị nghiêm cấm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.